TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **164**/2023/HNGĐ–ST
Ngày: 22-12-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Sẩm
2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thư Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 380/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 462/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 492/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre *(Xin vắng mặt)*

- Bị đơn: Ông Tôn Thanh T3, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày:

Chị và anh Tôn Thanh T3 kết hôn năm 2019 và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/8/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Sau đám cưới vợ chồng chng sống tại ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre. Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc do không hợp nhau,

bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh T3 đã sống ly thân khoảng hai năm. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T3.

Về con chung: Chị và anh T3 có hai con chung họ tên là Tôn Thị Ngọc D, sinh ngày 31/01/2005 và Tôn Thị Ngọc D1, sinh ngày 31/01/2009. Chị yêu cầu sau khi ly hôn con chung Tôn Thị Ngọc D1 giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con, đối với Tôn Thị Ngọc D đã đủ tuổi thành niên, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Tôn Thanh T3 vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên toà nên không có lời trình bày, cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến và tài liệu, chứng cứ cho Toà án xem xét.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T. Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Tôn Thanh T3. Về con chung: Tôn Thị Ngọc D, sinh ngày 31/5/2005, đã thành niên, chị T và anh T3 không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết; Con chung Tôn Thị Ngọc D1, sinh ngày 31/01/2009, giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung: Không có không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị T xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Tôn Thanh T3 có nơi cư trú tại ấp T1, xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày

Nam, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Huỳnh Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T. Anh Tôn Thanh T3 đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T3.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Huỳnh Thị T, Hội đồng xét xử nhận định: Chị T và anh T3 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T2, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 05/8/2019 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Trong thời gian chung sống, giữa chị T và anh T3 phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T xác định là do giữa vợ chồng bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, chị và anh T3 đã sống ly thân khoảng hai năm… Anh T3 đã được Toà án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo tham gia phiên hoà giải nhưng anh T3 không đến chứng tỏ anh cũng không có thiện chí đoàn tụ. Đồng thời, anh T3 cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến hay phản đối lời trình bày của chị T. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị T vẫn kiên quyết giữ nguyên quan điểm ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh T3 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T3.

[5] Xét về con chung: Chị T và anh T3 có hai chung họ tên là Tôn Thị Ngọc D, sinh ngày 31/5/2005 và Tôn Thị Ngọc D1, sinh ngày 31/01/2009. Cháu Tôn Thị Ngọc D, đã thành niên, chị T và anh T3 không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết; Cháu Tôn Thị Ngọc D1, hiện đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D1 và yêu cầu của chị T cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung, anh T3 cũng không đưa ra yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi. Chị T không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[6] Xét về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, anh T3 không đưa ra yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

[7] Xét về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, anh T3 không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

[8] Xét về án phí: Nguyên đơn chị T có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị T, cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Tôn Thanh T3.

Về con chung: Chị T và anh T3 có hai con chung họ tên là Tôn Thị Ngọc D, sinh ngày 31/5/2005 và Tôn Thị Ngọc D1, sinh ngày 31/01/2009.

- Cháu Tôn Thị Ngọc D đã thành niên, chị T và anh T3 không yêu cầu Toà án giải quyết nên không giải quyết.

- Cháu Tôn Thị Ngọc D1 giao cho chị T trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T3 cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, anh T3 không yêu cầu Toà án giải quyết về chia tài sản nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung, anh T3 không đưa ra yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị T có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001232 ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự (2b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân